

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 – NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 – NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tòa nhà Licogi 13, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 13 – Nền móng Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018633 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 13 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102326515 cấp ngày 21 tháng 11 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LICOGI 13 – FOUNDATION CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: LICOGI 13 – FC., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 11 năm 2018 là 105.000.000.000 đồng. *(Bằng chữ: Một trăm linh năm tỷ đồng chẵn./.)*.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2019 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2019 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thơm	Trưởng ban Kiểm
Ông Nguyễn Quang Việt	Thành viên
Bà Hoàng Thị Tuyên	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2019 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lại Văn Mạc	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/08/2019
Ông Nguyễn Xuân Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/07/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 – NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tòa nhà Licogi 13, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 – NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tòa nhà Licogi 13, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

TM, Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc



Lại Văn Mặc



Số : 104/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 13 – Nền móng xây dựng được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày từ trang 07 đến trang 47 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến

về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Licogi 13 – Nền móng xây dựng* tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0739 – 2018 – 133 – 1

Kiểm toán viên

Phạm Thu Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0570 – 2018 – 133 – 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		947.229.328.209	962.182.761.662
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.201.854.456	9.636.694.550
1. Tiền	111		2.201.854.456	9.636.694.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		768.740.743.201	615.044.735.730
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	506.980.591.174	411.256.330.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	53.478.352.960	93.064.167.745
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	135.527.423.268	84.974.000.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	72.754.375.799	25.750.237.416
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	175.944.568.461	337.296.051.901
1. Hàng tồn kho	141		175.944.568.461	337.296.051.901
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		342.162.091	205.279.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	342.162.091	205.279.481
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.630.219.385	114.090.935.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.966.646.000	24.502.453.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	1.966.646.000	24.502.453.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		47.261.865.114	51.391.380.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	38.949.275.390	46.787.944.325
- Nguyên giá	222		129.629.115.517	130.223.889.254
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(90.679.840.127)	(83.435.944.929)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	7.869.066.124	4.159.912.878
- Nguyên giá	225		8.742.414.545	4.433.454.545
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(873.348.421)	(273.541.667)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	443.523.600	443.523.600
- Nguyên giá	228		443.523.600	443.523.600
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	11.156.574.635	7.291.047.037
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.156.574.635	7.291.047.037
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.466.666.667	28.266.666.667
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12a	28.266.666.667	28.266.666.667
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12b	200.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.778.466.969	2.639.387.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	3.700.171.969	2.595.292.618
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		78.295.000	44.095.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.039.859.547.594	1.076.273.697.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		906.837.021.283	950.955.826.144
I. Nợ ngắn hạn	310		898.292.789.968	943.200.250.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	322.295.561.230	385.103.822.855
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	37.556.577.182	106.156.140.095
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.771.275.097	3.376.427.043
4. Phải trả người lao động	314		51.257.444.064	91.056.577.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	32.147.546.733	882.593.954
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	8.103.768.673	4.227.304.264
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	441.826.037.488	350.290.938.312
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	-	1.899.938.050
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		334.579.501	206.508.552
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.544.231.315	7.755.575.612
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	5.567.597.265	7.755.575.612
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	2.976.634.050	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

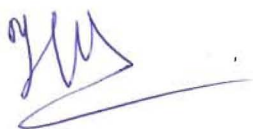
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.022.526.311	125.317.871.143
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	133.022.526.311	125.317.871.143
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.250.000.000	2.250.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.325.546.673	7.276.033.824
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.446.979.638	10.791.837.319
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.039.859.547.594	1.076.273.697.287

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bách



Lại Văn Mạc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.190.621.844.444	874.941.447.075
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.190.621.844.444	874.941.447.075
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.134.449.856.204	828.514.957.581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		56.171.988.240	46.426.489.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.629.473.872	3.845.849.280
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	33.600.279.812	22.027.036.512
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.600.279.812	22.027.036.512
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.992.803.536	10.607.885.397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		18.208.378.764	17.637.416.865
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.568.821.647	588.487.276
12. Chi phí khác	32	VI.8	616.990.136	752.584.377
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		951.831.511	(164.097.101)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.160.210.275	17.473.319.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.020.884.158	3.809.900.776
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		15.139.326.117	13.663.418.988
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.369,75	1.646,52

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bách



Lại Văn Mạc